

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, các nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện C Đà Nẵng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua Mua bổ sung Vật tư y tế năm 2023, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện C Đà Nẵng. Địa chỉ: Số 122 đường Hải Phòng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

2. Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

KS. Đặng Hữu Quý, SĐT: 0905 188 219; Email: vattubvc@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại phòng Văn thư-Bệnh viện C Đà Nẵng. Đ/c: Số 122 đường Hải Phòng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng trong giờ hành chính các ngày trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu.

- Địa chỉ mail: vattubvc@gmail.com nhận file mềm và bản scan.

4. Thời hạn nhận báo giá: Từ 14h00phút ngày 29 tháng 9 năm 2023 đến trước 16h30phút ngày 09 tháng 10 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày kể từ ngày phát hành.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục Vật tư y tế: Chi tiết bảng mô tả đính kèm **phụ lục 1**.

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế như sau:

- Địa điểm cung cấp: Bệnh viện C Đà Nẵng. Đ/c: Số 122 đường Hải Phòng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Hàng hóa được giao mới 100%, chưa qua sử dụng, được bảo quản và đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

3. Thời gian giao hàng dự kiến:

Giao hàng từng đợt theo nhu cầu sử dụng của Bệnh viện C Đà Nẵng, thời gian giao hàng dự kiến: 72 giờ và trường hợp khẩn cấp: 24 giờ.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không.

- Thời hạn thanh toán: Thanh toán theo từng đợt. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Hồ sơ báo giá bao gồm:

- a. Báo giá theo mẫu phụ lục 2 đính kèm thông báo này.
- b. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải đính kèm tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế báo giá (bản giấy hoặc file mềm gửi trực tiếp về địa chỉ của bệnh viện hoặc email quy định tại khoản 3 mục I - Yêu cầu báo giá).
- c. Trường hợp bản giấy chậm trễ trong quá trình vận chuyển gửi về địa chỉ nhận trực tiếp của bệnh viện quy định tại khoản 3 mục I - Yêu cầu báo giá. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải có file mềm và bản scan của Hồ sơ báo giá theo quy định tại điểm a, b khoản 5 mục này gửi về địa chỉ email của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá trước ngày kết thúc thời hạn nhận báo giá quy định tại khoản 4, mục I - Yêu cầu báo giá; bản giấy phải được gửi về Bệnh viện C Đà Nẵng chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tiếp nhận báo giá.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu VT, VTTB



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trọng Thiện

PHỤ LỤC 1

BẢNG MÔ TẢ CHI TIẾT DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ

(Đính kèm Yêu cầu báo giá số: ~~1547~~/BG-VTTB, ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bệnh viện C Đà Nẵng)

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Quy cách	Số lượng
I	Vật tư dùng trong khoa chẩn đoán hình ảnh				
1	Ống thông chụp động mạch chủ (catheter) Pitgtail 5F dùng cho XQ can thiệp	Cấu trúc 3 lớp gồm lớp đan kép ở giữa, lớp trong và ngoài là polyurethan - rich nylon, lòng rộng hơn các loại catheter thông thường cùng cỡ Đặc tính kỹ thuật: cỡ Fr.5 (1.70mm), dài 110cm. Đường kính đầu Catheter .038" (0.97mm). Pmax: 6895kPa/1000psi.	cái	Bì 1 cái	3
2	Máng đặt ống thông ngã đùi các cỡ - dài 5,7,10,25,45cm dùng cho can thiệp động mạch não kèm syringe 2,5ml	Có van ngăn máu trào ngược và hút khí. Kim chọc mạch catheter cỡ 18G (1.27cm.). Plastic guidewire nhỏ cỡ 0,035" (min 0,90mm) Bơm tiêm 2,5ml. Kích cỡ từ: 4Fr đến 11Fr, dài 7cm, 10cm, 25cm. Kích cỡ dây dẫn: 0,025", 0,035", 0,038".	cái	Bì 1 cái	24
3	Ống thông chụp mạch máu gan (catheter) Yashiro 5F	Lớp bên lưới thép với 2 lớp áo polyurethane Đặc tính kỹ thuật: cỡ Fr.5 (1.70mm), dài 70cm. Đường kính đầu Catheter .038" (0.97mm). Pmax: 6895kPa/1000psi. Đầu catheter phủ hydrophilic coating có độ dài 25cm. (Hoặc tương đương)	cái	Bì 1 cái	30
4	Micro catheter Progreat 2.7F hoặc tương đương	Đặc điểm: Đầu mềm không gây tổn thương mạch. Progeat mềm mại, nhưng đủ độ cứng để đẩy, trơn nhẵn luồn sâu tới động mạch nhỏ của gan, tụy, tử cung. Kích thước: cỡ 2.7F/2.9Fr.(0.90mm/0.97mm) kèm theo dây dẫn 0.021" ái nước hydrophilic, dài 130mm, đầu Catheter 0.65mm/0.25", đầu cong 70°	cái	Bì 1 cái	20
5	Bộ kim chọc sinh thiết lõi kèm kim dẫn đường các cỡ	Dụng cụ nhỏ gọn nhẹ được thiết kế để dễ dàng lắp đặt trong giá CT. Dễ dàng điều chỉnh mức độ phóng kim 10mm hoặc 20 mm. Đầu kim sắc bén	bộ	Hộp 10 bộ	12
6	Bộ vi ống thông can thiệp TOCE/TACE với đầu tip nhỏ 2.6F và lòng ống rộng (0.69mm), torque rời, áp lực bơm tới 1000psi	Đầu tip ống thông nhỏ 2,6F có kèm torque rời. Lòng ống rộng 0,69mm. Áp lực bơm tới 1000psi. Lớp phủ Hydrophillic: 65, 100cm. Dây dẫn đi kèm 0,021" với dạng đầu tip: angle hoặc multi curve. Chiều dài khả dụng: 105, 205cm.	Bộ		20
7	Hạt nhựa PVA thuyên tắc mạch máu chất liệu polyvinyl alcohol	Hạt nút mạch Contour Embolization Particles là các dụng cụ nút mạch có hình dạng không đồng đều, làm từ nhựa PVA. Các dụng cụ này dùng để chặn mạch hoặc giảm lưu lượng của máu trong mạch mục tiêu tùy theo việc đặt có chọn lọc thông qua nhiều loại ống thông	Lọ		5

(Chữ ký)

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Quy cách	Số lượng
		truyền. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.			
8	Hạt nhựa tải thuốc điều trị ung thư gan kích thước hạt 40; 75; 100 micromet, phủ polymer, hấp thụ thuốc tối đa 60 phút, 2ml	Vật liệu: hạt vi cầu hydrogel, phủ polymer Polyzene® - F, tương thích sinh học, không tan trong dung môi. Khả năng mang thuốc doxorubicin-HCl và irinotecan-HCl lên đến 50mg/1 ml hạt Tandem (hấp thụ đến 100mg thuốc với 2ml hạt, hấp thụ đến 150mg thuốc với 3ml hạt). Thời gian hấp thụ nhanh: thuốc doxorubicin - 60 phút; thuốc irinotecan - 30 phút. Kích thước hạt: 40 ± 10 μm; 75 ± 15 μm; 100 ± 25 μm. Đóng gói: dạng lỏng, chứa trong syringe 2ml.	ống	01 ống/hộp	3
9	Phim chụp Xquang KTS 25 x30cm	Phim khô laser dành cho máy in phim khô cỡ 25x30cm(10x12 inch) máy Carestream	Tấm	H/125	20.000
II	Vật tư chấn thương chỉnh hình				
10	Vis khóa 5.0 các cỡ	Đk vít 5.0mm, dài từ 10->90mm, chất liệu hợp kim nhôm gi hoặc tương đương. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	Cái	1 cái / gói	120
11	Nẹp khóa đầu trên xương đùi trái, phải các cỡ	Độ dày nẹp 5.5-5.8mm, rộng 16-17.6mm, dài từ 139mm - 391mm. Chất liệu hợp kim nhôm gi hoặc tương đương. Chất liệu hợp kim nhôm gi hoặc tương đương.	Cái	1 cái / gói	20
12	Vis xương cứng Đk 3,5mm các cỡ	Dài từ 12mm->40mm, chất liệu hợp kim nhôm gi hoặc tương đương. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	Cái	Bì 10 cái	150
13	Nẹp dọc đa tầng qua da cỡ từ 70mm-180mm	Đường kính 5.5mm. Loại thẳng. Vật liệu: Titanium - Chiều dài từ 70mm - 180mm - 2 đầu tù đều có mẫu để gắn chặt vào dụng cụ để luồn qua da. - Đồng bộ với vít cột sống qua da và vít khóa trong qua da tự gãy có chiều dài ban đầu là 10.38mm, chiều dài sau khi tự gãy là 4.65mm	Cái	1 cái/1 gói	4
14	Đinh Sign các cỡ	Loại ngắn: đk đinh 8mm, dài 220,240 và 260mm đk đinh 9mm, dài 220, 240 và 260mm đk đinh 10mm, dài 260mm Loại tiêu chuẩn: đk đinh 8mm, dài từ 280mm đến 380mm, mỗi bước nhảy 20mm, đk đinh 10mm, dài từ 280mm đến 420mm, mỗi bước nhảy 20mm, đk đinh 9mm, dài từ 280mm đến 420mm, mỗi bước nhảy 20mm, Loại mũi khế: đk đinh 8mm, dài 190,240 và 320mm đk đinh 10mm, dài 240,280,320,340 và 360mm đk đinh 9mm, dài 190,240,280,320,340 và 360mm chất liệu thép không rỉ	Cái	1 cái / gói	30

lsc

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Quy cách	Số lượng
15	Vis khóa 7.3 - 7.5 các cỡ	Là vít khóa rỗng nòng. Đường kính mũ vít 9.5mm, đường kính thân vít 7.5mm, đường kính rỗng nòng vít là 2.2mm, chiều dài từ 30mm đến 145mm. Cốt mũ vít có ren.	Cái	1 cái / gói	50
16	Vis Sign các cỡ	Đk 4.5mm, từ 30 đến 60mm chất liệu thép không rỉ, tiêu chuẩn FDA, 5Cái/gói	Cái	1 cái / gói	120
17	Vis khóa 6.5 các cỡ	Đk vít 6.5mm, dài từ 10->90mm, chất liệu hợp kim không gỉ hoặc tương đương. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	Cái	1 cái / gói	100
18	Nẹp DCP xương cẳng tay 4,5,6,7 lỗ	Thân nẹp rộng 10mm, nẹp dày 3.0mm, - có 5,6,7,8 lỗ tương ứng với chiều dài nẹp là 62,74,86 và 98mm, tiêu chuẩn CE.ISO - chất liệu thép không rỉ	cái	Bi 1 cái	10
19	Nẹp khóa đầu dưới xương quay các cỡ	Nẹp dày 1,8mm, có 3, 4, 5 lỗ thân tương ứng chiều dài là 59mm, 67mm, 75mm, sử dụng vít khóa đường kính 2.4mm, 2,7mm. Được chia thành hai loại: bản rộng (Wide) và bản hẹp (Narrow). Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ISO, CE.	Cái		10
20	Vis cố định dây chằng chéo, có thể điều chỉnh nhiệt độ ngắn	Chất liệu: Nút Titanium (3.4 mm × 13 mm) được kết nối với vòng polyethylene - Thiết kế: Vít tái tạo dây chằng chéo trước Tightrope ACL, nút titanium nối với vòng dây polyethylene. Cấu trúc chi khâu có thể rút ngắn xuống đường kính vòng 11mm và cơ chế khóa 4 nút một chiều để cố định không nút thắt có ma sát. Thiết kế độc quyền Tightrope cố định 4 điểm không nút thắt chống lại sự dịch chuyển vòng	Cái	Cái/ hộp	4
21	Lưới bảo xương ngược chiều	Mũi khoan ngược sử dụng trong kỹ thuật tái tạo dây chằng chéo All-inside. Một hộp bao gồm mũi khoan ngược, mũi khoan dẫn đường 2.4mm và cây rút chỉ. Khoan tiến tạo đường hầm đường kính 4.9mm. Lưới cắt có thể thu vào, bảo ngược tạo đường hầm đường kính 5.5mm - 12mm, bước tăng 0.5mm. Có ống đo chiều dài cầu xương. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	Cái/ hộp	4
22	Chi bện không tiêu dùng trong phẫu thuật nội soi	Chất liệu: Polyethylene Cao phân tử UHMW siêu bền. Dài 38 Inch. Màu sắc: trắng và xanh coban	Cái	Cái/Gói	4
23	Nẹp khóa đầu trên/ đầu dưới xương chày trái, phải các cỡ	Độ dày nẹp 4.1-4.5mm, rộng 11-16mm, dài từ 140mm - 300mm. Chất liệu hợp kim không gỉ hoặc tương đương.	Cái	1 cái / gói	15
24	Đinh Kitne đk 1.8;2.0;2.5;3.0	Đk đinh 1.2, 1.4, 1.5, 1.6, 1.8, 2.0, 2.2, 2.4, 2.8, 3.0mm. Dài 310mm, một đầu nhọn. Chất liệu thép không rỉ	cái	Bi 10 cái	50

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Quy cách	Số lượng
25	Vít neo cố định dây chằng chéo	Thiết kế: 4 lỗ, 2 lỗ giữa cố định cho vòng treo, 2 dây kéo và giết cân đối hai bên giúp dễ dàng kéo bật chốt trên xương đùi. Chiều dài chốt: 12mm, Chiều dài vòng treo gân: 15, 20, 25, 30, 35 mm. Chất liệu: Chốt làm bằng titanium, Vòng treo gân được tạo bởi vật liệu Polyester (Continuous Polyester Loop)	Cái		4
26	Lưỡi bào khớp đóng gói tiệt trùng các loại, các cỡ	Cửa sổ bào rộng cho phép bào được phía trước và bên hông. Thiết kế có răng hoặc không răng Đường kính: 3.5, 4.0, 4.5 và 5.5mm Dùng 1 lần, bào cắt lọc mô xơ, thiết kế rỗng nông để hút được các mô vụn đẩy ra ngoài, giúp trường phẫu thuật trong suốt.	Cái		4
27	Dây nước trong nội soi chạy bằng máy, có hộp điều khiển	Tương thích với máy Arthroscopy Pump. Đi kèm mặt hàng Integrated Tubing Set. Bao gồm điều khiển bằng tay khử trùng. Mỗi ống đi kèm với khóa Lure, dùng điều chỉnh độ dài ống	Cái		4
28	Nẹp chống xoay đùi bàn chân	Chất liệu: Vải cotton , không dệt, thoáng khí, vải tricot, khóa velcro, nẹp hợp kim nhôm.	Cái	Túi 1 cái	6
29	Nẹp DCP xương đùi bán rộng 6 đến 14 lỗ	Thân nẹp rộng 16mm, nẹp dày 4.5mm, - có 6,8,9,10,12 lỗ tương ứng với chiều dài nẹp là 103,135,151,167,và 199mm , tiêu chuẩn CE,ISO - chất liệu thép không rỉ	Cái	Bì 1 cái	2
30	Nẹp khóa mắt xích các cỡ (cẳng tay, xương đòn, xương mác)	-Từ 5->14lỗ, dài từ 74 đến 200mm, rộng 10mm, dây 3mm, dùng vít khóa 3.5mm	Cái	1 cái / gói	2
31	Nẹp qua da 5.5mm, các cỡ	Vật liệu: Titanium. Uốn cong sẵn, đường kính 5.5mm - Dài từ 30mm đến 130mm, bước tăng 5mm - Có 1 đầu tù để xuyên qua da, đầu còn lại có mấu để gắn chặt vào dụng cụ luồn qua da - Đồng bộ với vít cột sống qua da và vít khóa trong cột sống thắt lưng qua da có chiều dài ban đầu là 10.38mm, chiều dài sau khi vận đủ lực là 4.65mm	Cái	1 cái/1 gói	4
32	Nẹp đốt sống cổ trước 3 tầng cỡ 49-68mm	Vật liệu: hợp kim Titanium với dây dưới khóa mũ vít bằng Nitinol. Độ dày 1.9mm. Bề rộng của nẹp qua hai lỗ vít: 15mm	Cái	1 cái/1 gói	1
33	Nẹp chống xoay dài	Làm từ bán nẹp nhựa ép định hình uốn cong theo độ cong của bàn chân và cẳng chân, kết hợp với hai bản nẹp hợp kim nhôm đặc biệt chịu lực tốt, có tác dụng chống xoay và giữ thẳng đầu gối, hệ thống băng nhám dính giúp cố định chân với sản phẩm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	Túi 1 cái	50
34	Nẹp chống xoay cẳng bàn chân	Chất liệu: Vải cotton , không dệt, thoáng khí, vải tricot, khóa velcro, nẹp hợp kim nhôm.	Cái	Túi 1 cái	8

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Quy cách	Số lượng
35	Đai vải treo tay	Trong túi có khoá để giữ ngón tay cái, giúp tay ở vị trí sinh lý khi sử dụng. Thiết kế phù hợp cho cả tay trái và tay phải	Cái	Túi 1 cái	10
36	Nẹp căng tay các cỡ	Chất liệu: Vải cotton, không dệt, thoáng khí, khóa velcro, nẹp hợp kim nhôm.	Cái	Túi 1 cái	15
37	Nẹp căng bàn tay	Chất liệu: Vải cotton, không dệt, thoáng khí, khóa velcro, nẹp hợp kim nhôm.	Cái	Túi 1 cái	10
38	Nẹp cố định ngón tay có mút các cỡ	Thanh nẹp được thiết kế với phần tiếp xúc có lớp đệm mút và vải, có thể dễ dàng điều chỉnh được. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	Túi 10 cái	10
39	Nẹp mini titan 2.0 thẳng 6 lỗ	đk 2,0mm, loại thẳng, 6 lỗ. Chất liệu: Titanium hoặc tương đương. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	Cái		3
40	Vít mini titan 2.0 các cỡ (tự khoan)	đk 2 mm, loại tự khoan. Chất liệu: Titanium hoặc tương đương. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	Cái		40
41	Khớp gối toàn phần di động cóximăng	<p>Lõi cầu: lăn trên lớp đệm như gối tự nhiên (ball in socket). Chuyển động xoay sâu 1 góc 15 độ, bán kính góc ổn định 0 - 90 độ. Độ gập gối 145 độ</p> <ul style="list-style-type: none"> - 8 cỡ lõi cầu đùi: 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8 - Độ rộng mặt trên (A/P): 59, 61, 64, 66, 70, 73, 77, 80mm - Độ dài mặt trên (M/L): 51, 54, 57, 60, 64, 68, 72, 76 mm <p>Mâm chày: Chất liệu Cobalt Chrome /Titanium Alloy bề mặt nhám tạo độ kết dính với xi măng và xương. Mâm chày phải cho chân phải và trái cho chân trái.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 11 kích cỡ (size): 1, 2, 2+, 3, 4, 5, 6, 6+, 7, 8, 8+ - Độ rộng mặt trên (A/P): 40, 43, 46, 49, 52, 55, 58, 61, 64mm - Độ dài mặt trên (M/L): 54, 58, 62, 66, 70, 74, 78, 82, 86mm. - Chiều dài thân (Stem Length): 31; 34; 35; 38; 41; 43; 50mm <p>Lớp đệm: Chất liệu Polythylene cao phân tử có 6 size, độ dày 10; 12; 14; 17; 20; 24mm, độ dốc phía sau chèn xương chày 3 độ, cạnh trước cao 11;12mm</p> <p>Bánh chèn: chất liệu Polythylene cao phân tử, thiết kế kiểu vòm, loại không chân và 3 chân. Có 8 kích cỡ về độ dày và đường kính: 25 x 7 mm; 25 x 9 mm; 26 x 8,0 mm; 28 x 7,0mm; 28 x 9,0mm; 29 x 8,0mm; 32 x 8,0 mm; 35 x 8,0 mm; 38 x 10 mm; 41 x 11,0 mm.</p> <p>Xi măng: Đóng gói tiệt trùng kèm dung dịch.</p>	Bộ		4

lbc

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Quy cách	Số lượng
		Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.			
42	Mạch máu nhân tạo ePTEE các cỡ	Mạch máu nhân tạo phủ ePTFE; Mặt trong của sản phẩm được lót, bao phủ bởi lớp carbon sinh học; Có các hình dạng: thẳng, hình nón (tapered), nón cụt (short tapered), nhỏ dần (stepped), Carboflo® ePTFE vascular grafts được cấu thành bởi mở cấu trúc mở rộng của polytetrafluoroethylene (ePTFE), có các dạng Tapered, Stepped, Flex Thinwall small beading, Flex Thinwall Tapered small beading.	Cái		3
III	Vật tư và hóa chất xét nghiệm				
43	Diatro- Dil-Diff	Dung dịch pha loãng huyết học sử dụng cho Máy phân tích xét nghiệm huyết học tự động. Phù hợp cho máy công thức máu ABACUS 5	thùng	20lit	20
44	Diatro- Lyse-5P	Dung dịch ly giải sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học tự động 5 thành phần bạch cầu. Phù hợp cho máy công thức máu ABACUS 5	thùng	5lít	12
45	HBsAg- EIA	ELISA thể hệ thứ 4 cho phép chẩn đoán kháng nguyên bề mặt viêm gan B hoặc HBsAg trong huyết tương và huyết thanh của con người. Bộ xét nghiệm có thể được sử dụng cho việc kiểm tra các đơn vị máu, từ đó phát hiện đột biến HBsAg và ứng dụng trong việc theo dõi bệnh nhân nhiễm HBV. Chỉ dùng trong chẩn đoán in vitro.	hộp	96 test	12
46	Bộ kit tách máu tự động + dung dịch chống đông dùng cho máy tách thành phần máu tự động (đơn túi)	Thu nhận được 1 túi tiểu cầu. Có phin lọc bạch cầu để giảm thiểu lượng bạch cầu. Phin lọc vi khuẩn ≤ 0.2 micron để phòng vi khuẩn vào hệ thống, giữ hệ thống kín. Thể tích máu ngoài tuần hoàn ≤ 196 ml. Có phin lọc bầu máu trả về ≤ 200 micron	bộ	6 bộ/hộp	4
47	TEClot FIB	Mô tả: là bộ hóa chất được sử dụng để xác định thời gian prothrombin (PT) trong huyết tương để đánh giá các yếu tố đông máu con đường ngoại sinh II, V, VII, X và fibrinogen và cũng để xác định định lượng các yếu tố đông máu ngoại sinh. - Thành phần: Thromboplastin (được chiết xuất từ não thỏ), Calcium chloride, chất đệm, chất ổn định. - Nhiệt độ bảo quản: 2 - 10°C	Hộp	5 x 5 ml TEClotFI B 1x125ml IBS Buffer1 x 1 ml TECal N (Calibrat or) 1 x 1 ml TEContr ol A (Control)	3

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Quy cách	Số lượng
48	Lysercell WDF hoặc tương đương	Dung dịch ly giải màng tế bào trên kênh đo WDF; dành cho máy huyết học Sysmex XN. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Bộ	1x5 lít	2
49	Fluorocell WDF hoặc tương đương	Chất nhuộm huỳnh quang trên kênh đo WDF(phân tích các thành phần bạch cầu trừ baso); dành cho máy huyết học Sysmex XN. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE	hộp	2x42ml	2
50	Anti HCV EIA	Xét nghiệm miễn dịch enzyme (Enzyme ImmunoAssay –ELISA) để xác định kháng thể kháng vi-rút viêm gan C trong huyết tương hoặc huyết thanh. Bộ xét nghiệm nhằm mục đích sàng lọc các đơn vị máu và theo dõi bệnh nhân nhiễm HCV. Chỉ dành cho chẩn đoán in vitro	hộp	96 test	10
51	ABX Lysebio hoặc tương đương	Dung dịch ly giải để sử dụng trong chẩn đoán in vitro và được thiết kế để ly giải hồng cầu (RBC) và để xác định xác định hemoglobin trên các máy đếm tế bào máu. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Chai	1lít/ Chai	3
52	ABX Nucediff hoặc tương đương	Dung dịch ly giải để sử dụng trong chẩn đoán in vitro và được thiết kế để ly giải hồng cầu (RBC) cho việc đếm bạch cầu (WBC) và phân loại bạch cầu và để xác định hemoglobin trên các máy đếm tế bào máu. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Chai	1lít/ Chai	4
53	ABX Cleaner hoặc tương đương	Dung dịch enzym để sử dụng trong chẩn đoán in vitro với tác dụng thủy phân protein để làm sạch các máy đếm tế bào máu. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Chai	1lít/ Chai	4
54	ABX Minoclair hoặc tương đương	Dung dịch hóa học để sử dụng trong chẩn đoán in vitro và được thiết kế để làm sạch máy đếm tế bào máu. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Chai	0,5lít/ Chai	1
55	Tube Eppendorf 1,5ml; 2ml	Sử dụng để chiết dung dịch control ra từng thể tích nhỏ để dụng hàng ngày, phù hợp cho các máy	Cái		3.600
56	Tube K3 EDTA nắp cao su mềm dùng cho máy đếm tế bào	Thiết kế phù hợp cho mọi hệ thống máy huyết học tự động. Nắp cao su chất lượng cao, kim xuyên qua dễ và đàn hồi tốt, không gây hiện tượng rơi vãi máu ra ngoài, bảo vệ người sử dụng và tránh sự lây nhiễm mẫu bệnh phẩm.	Cái	100 cái/ khay	2.800
57	Tube chống đông citrate	Ống nghiệm nhựa PP 5ml, 12x75mm, trung tính, nắp màu xanh lá cây. Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái		3.300
58	Tube dùng cho máy máu lắng tự động SFR13000	Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	cái		300

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Quy cách	Số lượng
59	Tube chống đông K3 EDTA	Ống nghiệm nhựa PP 5ml, 12x75mm, trung tính, nắp màu dương. Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái		16.000
60	Cartridge đo các thông số khí máu (pH, pCO ₂ , pO ₂), Hct	Là thuốc thử đo pH, pCO ₂ , pO ₂), Hct. Loại 150 test .Tương thích với máy khí máu Gem 3500 hoặc tương đương.Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CFS.	Hộp	300 test / hộp	4
61	Morphine/Heroin	Test ma túy chỉ số Morphine/Heroin. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp	Hộp 50 test	2
62	AMP Dipstick (Amphetamines)	Test ma túy chỉ số Amphetamine. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	Hộp	Hộp 50 test	2
63	Na Electrode	Điện cực Na, Tương thích với máy ion đồ AVL 9180, Smartlyse, Starlyse hoặc tương đương.Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, FDA hoặc tương đương	cái	1cái	1
64	K Electrode	Điện cực K, Tương thích với máy ion đồ AVL 9180, Smartlyse, Starlyse hoặc tương đương.Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, FDA hoặc tương đương	cái	1cái	1
65	Cl Electrode	Điện cực Cl, Tương thích với máy ion đồ AVL 9180, Smartlyse, Starlyse hoặc tương đương.Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, FDA hoặc tương đương	cái	1cái	1
66	Reference Electrode Housing	Điện cực chuẩn, Tương thích với máy ion đồ AVL 9180, Smartlyse, Starlyse hoặc tương đương.Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, FDA hoặc tương đương	cái	1cái	1
67	Reference Electrode	Điện cực chuẩn, Tương thích với máy ion đồ AVL 9180, Smartlyse, Starlyse hoặc tương đương.Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, FDA hoặc tương đương	cái	1cái	1
68	Assayed Urine Chemistry Control Level 2 (Urn Asy Control 2)	Thành phần 100% từ nước tiểu người. Đáp ứng 24 thông số. Độ bền mở nắp tối thiểu 5 ngày ở 2-8oC hoặc 2 tuần ở -24oC hoặc tương đương. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Lọ	10 ml	2
69	Assayed Urine Chemistry Control Level 3 (Urn Asy Control 3)	Thành phần 100% từ nước tiểu người. Đáp ứng 24 thông số. Độ bền mở nắp tối thiểu 5 ngày ở 2-8oC hoặc 2 tuần ở -24oC hoặc tương đương. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Lọ	10 ml	2
70	Liquid Specific Proteins Control Level 1 (SP Control 1)	Dạng lỏng dùng liền. Thành phần 100% từ người. Đáp ứng 26 thông số. Độ bền mở nắp tối thiểu 30 ngày 2-8oC hoặc tương đương. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp	3 x 1 ml	2

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Quy cách	Số lượng
71	Liquid Specific Proteins Control Level 2 (SP Control 2)	Dạng lỏng dùng liền. Thành phần 100% từ người. Đáp ứng 26 thông số. Độ bền mở nắp tối thiểu 30 ngày 2-8oC hoặc tương đương. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp	3 x 1 ml	2
72	Hóa chất xét nghiệm định lượng FERRITIN	Xét nghiệm ADVIA Centaur Ferritin là xét nghiệm miễn dịch kiểu bán kẹp hai vị trí. Khoảng xét nghiệm 0,5–1650 ng/mL (1–3630 pmol/L). Phù hợp cho máy ADVIA	Hộp	1x50 Tests	2
73	Hóa chất xét nghiệm định lượng AFP	Xét nghiệm ADVIA Centaur AFP là xét nghiệm miễn dịch theo kỹ thuật bán kẹp hai điểm. Khoảng đo: 1,3–1000 ng/mL (1,08–830 IU/mL). Phù hợp cho máy ADVIA	Hộp	1x100 Tests	4
74	Hóa chất xét nghiệm định lượng CEA	Xét nghiệm ADVIA Centaur CEA là xét nghiệm miễn dịch kiểu bán kẹp hai vị trí. Khoảng xét nghiệm 0,5–100 ng/mL (µg/L). Phù hợp cho máy ADVIA	Hộp	1x100 Tests	3
75	Hóa chất xét nghiệm định lượng CA 15-3	Xét nghiệm ADVIA Centaur CP CA 15-3 là xét nghiệm miễn dịch kiểu bán kẹp hai bước. Độ nhạy và khoảng xét nghiệm 0,50–200 U/mL. Phù hợp cho máy ADVIA	Hộp	1x100 Tests	1
76	Hóa chất xét nghiệm định lượng CA 19-9	Xét nghiệm ADVIA Centaur CP CA 19-9 là xét nghiệm miễn dịch kiểu bán kẹp hai bước. Khoảng xét nghiệm 1,2–700 U/mL. Phù hợp cho máy ADVIA	Hộp	1x50 Tests	2
77	Hóa chất xét nghiệm định lượng FPSA	Xét nghiệm ADVIA Centaur fPSA là xét nghiệm miễn dịch theo kỹ thuật bán kẹp hai vị trí. Khoảng xét nghiệm 0,01–25,00 ng/mL (µg/L). Phù hợp cho máy ADVIA	Hộp	1x50 Tests	2
78	Hóa chất xét nghiệm định lượng THCG	Xét nghiệm ADVIA Centaur CP Total hCG (ThCG) là xét nghiệm miễn dịch kiểu bán kẹp hai vị trí. Độ nhạy và khoảng xét nghiệm 2,0–1000 mIU/mL (IU/L). Phù hợp cho máy ADVIA	Hộp	1x50 Tests	2
79	Hóa chất xét nghiệm định lượng FT4	Xét nghiệm ADVIA Centaur FT4 là một xét nghiệm miễn dịch cạnh tranh. Khoảng xét nghiệm 0,1–12,0 ng/dL (1,3–155 pmol/L). Phù hợp cho máy ADVIA	Hộp	1x50 Tests	8
80	Hóa chất xét nghiệm định lượng FT3	Xét nghiệm ADVIA Centaur T3 là một xét nghiệm miễn dịch cạnh tranh. Khoảng xét nghiệm 0,1–8 ng/mL (0,15–12,3 nmol/L). Phù hợp cho máy ADVIA	Hộp	1x80 Tests	4
81	Hóa chất xét nghiệm định lượng TSH	Xét nghiệm ADVIA Centaur CP TSH là xét nghiệm miễn dịch kiểu bán kẹp hai vị trí. Độ nhạy và khoảng xét nghiệm 0,010–150 µIU/mL (mIU/L). Phù hợp cho máy ADVIA	Hộp	1x100 Tests	4
82	CAL B 2PK	Dùng để hiệu chuẩn các xét nghiệm Digoxin, FSH, LH, Prolactin, Total hCG, TSH. 5,0 mL/lọ. Phù hợp cho máy ADVIA	Hộp	2x2x5ml	1

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Quy cách	Số lượng
83	Hoá chất xét nghiệm (ALT)/GPT	Thực hiện đo định tính alkaline phosphatase trong huyết tương hoặc huyết thanh. Đo alkaline phosphatase hoặc isoenzyme được sử dụng trong chẩn đoán và điều trị các bệnh về thận, xương, tuyến cận giáp và ruột. Thành phần: 6 lọ thuốc thử R1 + 6 lọ thuốc thử R2 - Lọ thuốc thử R1: 37,6 mL/ lọ. 2-amino-2-methyl-1-propanol (AMP) (3,0 mol/L); Axít Hydroxyethyl ethylevediamine triacetic (HEDTA) (8,0 mmol/L); Magnesium acetate (8,0 mmol/L); Kẽm sulfate (4,0 mmol/L); NaN3 (0,09%) - Lọ thuốc thử R2: 38,0 mL/ lọ. Paranitrophenylphosphate (p-NPP) substrate (101,6 mmol/L); NaN3 (0,09%); ProClin 300 (0,024%)	Hộp	7 x 360 Tests	3
84	Hoá chất xét nghiệm (AST)/GOT	Được sử dụng để chẩn đoán trong ống nghiệm khi định lượng hoạt tính của aspartate aminotransferase trong huyết tương và huyết thanh người.	Hộp	7 x 360 Tests	3
85	Gamma-Glutamyl Transferase (GGT) 70mL	Được sử dụng để chẩn đoán in vitro khi định lượng gamma-glutamyl transferase trong huyết tương và huyết thanh người.	Hộp	4 x 675 Tests	1
86	Hoá chất xét nghiệm Lactate (LAC)	Được sử dụng để chẩn đoán in vitro khi định lượng lactate trong huyết thanh người.	Hộp	3 x 100 Tests	5
87	Hoá chất xét nghiệm Microalbumin ₂ (μALB ₂)	Được sử dụng để chẩn đoán in vitro khi thực hiện đo định lượng albumin trong nước tiểu người.	Hộp	4 x 105 Tests	1
88	Hoá chất xét nghiệm Transferrin (TRF)	Được sử dụng để chẩn đoán in vitro khi định lượng transferrin trong huyết tương và huyết thanh người.	Hộp	4 x 110 Tests	1
89	Hoá chất xét nghiệm Triglycerides lipase glycerol	Được sử dụng để chẩn đoán in vitro khi định lượng triglycerides trong huyết thanh và huyết tương người.	Hộp	4 x 40 ml	4
90	Hoá chất xét nghiệm Urea Nitrogen (UN)	Được sử dụng để chẩn đoán in vitro khi định lượng urea nitrogen (sản phẩm cuối của quá trình chuyển hóa nitrogen) trong huyết thanh, huyết tương người (lithium heparin) và nước tiểu.	Hộp	6 x 670 Tests	3
91	Hoá chất xét nghiệm Uric Acid (UA) 70mL	Được sử dụng để chẩn đoán in vitro khi định lượng uric acid trong huyết thanh, huyết tương người (lithium heparin) và nước tiểu.	Hộp	6 x 670 Tests	1
92	PreciControl Cardiac G2 Elecsys V4	Gồm 2 loại: PC CARDIII và PC CARDII2, mỗi loại 2 chai. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp	4 x 2 ml	1

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Quy cách	Số lượng
93	Troponin T hs CS Elecsys	Gồm 2 loại: TN-T hs Cal1 và TN-T hs Cal2, mỗi loại 2 chai. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp	4 x 1ml	1
94	Troponin PC Elecsys	Gồm 2 loại: PC TN1 và PC TN2, mỗi loại 2 chai. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp	4 x 2 ml	1
95	free PSA Elecsys cobas e 100 V2	Bộ thuốc thử được dán nhãn FPSA. Gồm 3 loại: M Vi hạt phủ Streptavidin, R1 Anti-PSA-Ab và R2 Anti-PSA-Ab. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp	100 tests	3
96	Cortisol G2 CS Elecsys	Gồm 2 loại: CORT II Cal1 và CORT II Cal2, mỗi loại 2 chai. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp	4 x 1ml	1
97	Hóa chất xét nghiệm định lượng Uric acid	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Acid uric; phương pháp đo Uricase/POD. Sử dụng cho máy Furruno CA-800. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp	10x60m L/ Hộp	1
98	Hóa chất xét nghiệm định lượng Gamma-GT-3-Carboxy	Hóa chất xét nghiệm Định lượng GGT, phương pháp đo IFCC. Sử dụng cho máy Furruno CA-800. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp	R1 (5x60 mL); R2 (5x20 mL)	1
99	Hóa chất xét nghiệm định lượng Protein total	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Total Protein; phương pháp đo CuSO4. Sử dụng cho máy Furruno CA-800. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp	4x100m LR1, 1x100mLR2/ Hộp	1
100	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Albumin; phương pháp đo BCG. Sử dụng cho máy Furruno CA-800. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp	5x67ml	1
101	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin direct	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Direct Bilirubin; phương pháp đo Enzymatic. Sử dụng cho máy Furruno CA-800. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp	R1 (5x60 mL); R2 (5x20 mL)	1
102	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin total	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Total Bilirubin; phương pháp đo Enzymatic. Sử dụng cho máy Furruno CA-800. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp	R1 (5x60 mL); R2 (5x20 mL)	2
103	Hóa chất định lượng xét nghiệm CRP	Hóa chất định lượng cho xét nghiệm CRP. Sử dụng cho máy Furruno CA-800. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp	1x40ml. +1x10m L/Hộp	3
104	Tube (Heparin) xét nghiệm	Dùng tách huyết tương để làm các xét nghiệm ion đồ như ion đồ Na ⁺ , K ⁺ , Ca ²⁺ , Cl ⁻ ... trừ Li ⁺ . Có thể sử dụng cho các loại xét nghiệm sinh hóa, đặc biệt NH ₃ và định lượng Alcohol trong máu	cái	100 ống x 1 giá, 2400 ống/kiện	3.000

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Quy cách	Số lượng
105	Premier Affinity A1c 500	Hóa chất sẵn sàng cho sử dụng trên máy Premier Hb9210. Thành phần: Dung dịch Buffer A: Nước 90-100%, Methanol: 0-0.5%, dd Ammonia: 0.5-1%; Dung dịch Buffer B: Nước 90-100%, Methanol: 0-0.5%, dd Ammonia: 0-0.5%; Dung dịch Diluent: Nước 90-100%, TRITON X100: 0-0.5%, Sodium azide: 0-0.5%; Dung dịch Wash: Nước 90-100%, Ethanol: 1-10%, Methanol: 0-0.5%, Sodium azide: 0-0.5%; Cột phân tích: Polymer gel: 90-100%. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	Bộ	500Test	2
106	Wash Solution	Dung dịch tẩy rửa có tính kiềm để làm sạch các quá trình trên máy phân tích sinh hóa, đã quy chuẩn thuế Thành phần: 2-Aminoethanol \leq 100 g/l; natrisulfit \leq 0.1%; EDTA-Na \leq 0.5 %; Nonionic detergent \leq 7% (xem lại)	Can	Can/5 lít	3
107	Dung dịch nước rửa máy acid	Dung dịch kiềm sử dụng để tẩy rửa thiết bị; thành phần dung dịch Noniocic Surfactant, others	Can	1Lit/Can	3
108	Dung dịch nước rửa máy ba-xơ	Dung dịch acid sử dụng để tẩy rửa thiết bị; thành phần dung dịch Noniocic Surfactant, others	Can	1lít/Can	3
109	proBNP G2 Elecsys cobas e 100	Gồm 3 loại: Vi hạt phủ Streptavidin, R1 Anti-NT-proBNP-Ab và R2 Anti-NT-proBNP-Ab. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp	100 test	2
110	Troponin T hs Elecsys cobas e 200	Gồm 3 loại: Vi hạt phủ Streptavidin, R1 Anti-troponin T-Ab và R2 Anti-troponin T-Ab. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp	200 tests	2
111	Cortisol G2 Elecsys cobas e 100	Bộ thuốc thử được dán nhãn CORT II. Gồm 3 loại: M Vi hạt phủ Streptavidin, R1 Anti-cortisol-Ab và R2 Anti-cortisol-Ab. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp	100 test	2
112	Hoá chất xét nghiệm Beta2-Microglobulin reagents (B2M)	đãi đo: 0.20 - 30 mg/L (serum), 0.07 - 3.5 mg/L (urine), phương pháp đo: LATEX	Hộp	1x40ml+ 1x10ml 167 test)	1
113	Kowac	Thuốc thử dùng kết hợp cùng với môi trường (SIM, MIU) hoặc đĩa giấy sinh hóa (H2S-IND) để thực hiện thử nghiệm sinh Indol. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	tube	2ml	6
114	Huyết tương thô đông khô	Rabbit Plasma hồi phục trên EDTA và đông khô được sử dụng để phát hiện Staphylocoagulase. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	lọ	Hộp 10 lọ	15

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Quy cách	Số lượng
115	Toxocara	Để kiểm tra định tính kháng thể IgG kháng Toxocara trong huyết thanh và huyết tương sử dụng kỹ thuật xét nghiệm hấp thụ miễn dịch liên kết với enzyme. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp	96test	1
116	AccuElis Gnathostoma spinigerum	Kit ứng dụng kỹ thuật ELISA để phát hiện kháng thể thuộc lớp IgG kháng giun đầu gai (Gnathostoma spinigerum) trong mẫu huyết thanh người.. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp	96test	1
117	Fascelisa (96test)	Sản xuất tại Châu Âu hoặc Mỹ. Độ nhạy >87%, độ đặc hiệu >93%	Hộp	96test	1
118	Strongyloides	Sản phẩm sản xuất tại Châu Âu hoặc Mỹ. Độ nhạy >87%, độ đặc hiệu >93%.	Hộp	96test	1
119	Cysticercus	Sản xuất tại Châu Âu, hoặc Mỹ. Độ nhạy >87%, Độ đặc hiệu >93%	Hộp	96test	1
120	BHI Agar	Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi khuẩn dễ mọc. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp	500g	1
121	Blood Agar Base	Dùng để pha môi trường, nuôi cấy. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp	500g	1
122	Mueller Hinton Agar	Môi trường bột Mueller Hinton Agar 500g/lọ. Beef, dehydrated infusion from 300.0g/l, Casein hydrolysate 17.5 g/l Starch 1.5g/l, Agar 17.0 g/l, pH 7.3 ± 0.1. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp	500g	2
123	Macconkey Agar	Môi trường bột Mac-Conkey Agar số 3 500g/lọ. Peptone 20.0g/l, Lactose 10.0g/l Bile salts No. 3 1.5g/l, Sodium chloride 5.0 g/l, Neutral red 0.03 g/l, Crystal violet 0.001 g/l, Agar 15.0 g/l, pH 7.1 ± 0.2. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp	500g	2
124	Nutrient Agar	Môi trường sinh trưởng/nuôi mục đích chung. Thành phần gồm: Peptone 6.0g/lit, beef extract 1.0g/lit, yeast extract 2.0g/lit, sodium chloride 5.0g/lit, agar 14.0g/lit, pH cuối: 7.3 ± 0.2. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp	500g	1
125	Amibelisa	Giá nhựa đã gắn kháng nguyên ký sinh trùng. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp	96test	1
IV	Vật tư tiêu hao thường quy				
126	Ống nội khí quản lò xo có bóng số 5 đến 8.5FR	Ống nội khí quản lò xo chống xoắn, không quá cứng, không quá mềm, đầu tù an toàn, mắt Murphy trơn tù. Nguyên liệu PVC phủ silicone, không latex. Có bóng chèn số 5 đến 8.5 FR. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	cái	1 Cái/ Gói	12

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Quy cách	Số lượng
127	Thông Double J từ số 4 đến số 7 (Sonde niệu quản)	Chất liệu cao su y tế, Sản phẩm được tuyệt trùng 100%, Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2012, tiêu chuẩn châu Âu CE hoặc tương đương.	Cái	Cái/Gói	50
128	Cidex dùng để ngâm tiệt trùng dụng cụ nội soi (50% Acetylcaprolactam +30% Hydrogen peroxyde sau khi hoạt hóa tạo thành peracetic acid 1500ppm-900ppm)	50% ACE hoặc tương đương acetylcaprolactam+30% Hydrogen peroxyde sau khi hoạt hóa tạo thành peratic acid 1500ppm-900ppm. Tiêu chuẩn CE hoặc tương đương	Can	5 lít	15
129	Filter làm ấm, làm ấm và lọc khuẩn	tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương. Dòng khí đi qua 150-1200ml, khoảng chết 48ml, lọc khuẩn và làm ấm, làm ấm (3 chức năng). Hiệu quả lọc >99,999%	Cái	1 Cái/túi	320
130	Dao 15 độ cố cán	Lưỡi dao làm bằng thép không rỉ, không gây chói. Tay cầm nhựa thiết kế để cầm thoải mái. Tạo độ mở rộng góc 15 độ tạo độ sâu từ 3-5mm, mũi dao nhọn. Có nắp an toàn bảo vệ.	Cái	Hộp 5 cái	100
131	Dao đốt điện đơn cực dùng 1 lần	Tay dao cắt đốt đơn cực 3 chấu, sử dụng 1 lần. Đầu đốt bằng thép không gỉ, tay cầm bằng nhựa. Vô trùng. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	Bịch/ 1 cái	100
132	Hệ thống dẫn lưu CSF ra ngoài và theo dõi dịch não tủy Becker, loại Medtronic	Hệ thống gồm: Van 1 chiều ngăn dịch chảy ngược, túi chứa dịch 700 ml, cột theo dõi áp suất dòng chảy, trocar 15cm, catheter não thất phủ barium dài 35cm, đường kính trong 1.5mm, đường kính ngoài 2.8mm. - Buồng khoang 50cc hình nón cho phép đo chính xác chất lỏng. - Bộ lọc Hydrophobic trên buồng nhỏ giọt hoạt động như rào cản vi sinh vật và không khí thông gió ngay cả sau khi tiếp xúc với chất lỏng. - Thang đo áp lực dòng chảy đảm bảo cho dịch chảy đúng áp suất yêu cầu, hỗ trợ việc theo dõi áp suất não. - Có 2 vị trí tiêm không chứa latex để có thể lấy dịch não tủy đi xét nghiệm hoặc truyền thuốc và hóa chất. - Tiêu chuẩn FDA.	Bộ	1 bộ/hộp	4
133	Ống nội khí quản các cỡ (3;4;5;6;7,5; 8; 8,5)	Loại có bóng chèn được làm từ nhựa nguyên sinh trong y tế	Cái	1 cái/túi	370
134	Bông ép sọ não 2cm x 7cm có dây cân quang	Gạc không dệt hút nước hoặc bông tự nhiên tinh chế	Cái		320
135	Túi nilon vô trùng bọc dây camera máy mổ nội soi	Túi Camera M6 vô trùng, chất liệu nhựa PE, dài 2,2-2,5m, đường kính 15-18cm.	Cái		40

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Quy cách	Số lượng
136	Dây hút dịch trong mô vô trùng	Chất liệu: PVC y tế, dài 150cm, vô trùng	Cái	Túi/Cái	450
137	Van dẫn lưu nhân tạo - dẫn lưu dịch não tủy ổ bụng	Van có 2 kích thước phù hợp cho người lớn và trẻ em và 3 áp lực thấp, trung bình, cao. Catheter phủ lớp barium, kèm phụ kiện cố định chống xoắn ở catheter não thất. Catheter có đường kính trong là 1.3mm/ đường kính ngoài là 2.5mm. Chiều dài catheter não thất: 23cm. Chiều dài catheter ổ bụng: 90cm. Kích thước van: 12x25mm hoặc 18x32mm. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	1 Cái/ Hộp	3
138	Miếng lưới dùng trong thoát vị bẹn Polypropylene 10x15cm	Lưới điều trị thoát vị Polypropylene 6cm x 11cm. Lưới có trọng lượng 90g/m ² , độ dày lưới từ: 0.54 ± 10%, giới hạn lực đến 12kg/cm ² , độ bền kéo tuyến tính ≥ 15Kgf, kích thước lỗ 0.8mm, số lượng lỗ 16/inch. Tiêu chuẩn FDA hoặc tương đương.	Miếng		20
139	Clip Polymer kẹp mạch máu các cỡ (khóa kẹp mạch máu)	Clip được làm bằng Polymer không hấp thụ, trơ, không độc hại và cơ thể dung nạp tốt, độ bền cao - Có răng tích hợp giúp clip không bị trượt trên mô - Các vi clip được mã hóa màu sắc tương ứng với Kim kẹp clip - Kẹp được mạch máu cỡ 7mm đến 16mm	Cái		100
140	Băng đạn nội soi ba hàng ghim dập đôi. Gập góc 45 độ. Loại 30-45-60mm chiều cao ghim 2.5-3.5-4.0mm	Băng đạn (ghim khâu) nội soi Endo GIA công nghệ Tri-Staple, chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 2.0mm - 2.5mm - 3.0mm; 3.0mm - 3.5mm - 4.0mm, các cỡ 30mm, 45mm, 60mm, màu tím, màu đồng - Chất liệu ghim titanium. Tiêu chuẩn ISO 13485, FDA hoặc tương đương	Cái		12
141	Dụng cụ khâu cắt nội soi đa năng giúp xoay và nghiêng băng đạn tối đa 45 độ	Dụng cụ cắt khâu nội đa năng, dùng trong phẫu thuật nội soi, tích hợp với tất cả các loại băng đạn (ghim khâu) cắt khâu nội soi, tiếp cận mô thông qua 5 vị trí mỗi bên. Trục dài 16cm. Tiêu chuẩn ISO 13485, FDA hoặc tương đương	Cái		2
142	Tấm mask điện cực trung tính dùng 1 lần	Cung cấp sự an toàn tối đa cho bệnh nhân với sự tăng nhiệt độ thấp trong quá trình kích hoạt. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Tấm		50
143	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu cự Micropure 123 kèm dụng cụ đặt nhân hoặc tương đương	Thủy tinh thể lọc ánh sáng xanh và lọc tia UV. Thủy tinh thể có thiết kế phi cầu với cầu sai -0,11μ. Thiết kế 4 còng dạng C kép công nghệ chống dính Wave tech, góc còng 5 độ, bờ cạnh vuông 360 độ. Tổng chiều dài kính: 11,00mm. Đường kính optic: 6,00mm. Chỉ số khúc xạ :1,51. Chỉ số ACD: 5,5 (đo bằng siêu âm và tính theo công thức Hoffer Q)	Cái		125

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Quy cách	Số lượng
144	Thủy tinh thể nhân tạo mềm càng hình chữ Z	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, càng hình chữ Z, màu vàng, lọc ánh sáng xanh, lọc tia UV. Thủy tinh thể đã cài sẵn trong injector liền cartridge sử dụng một lần	Cái		100
145	Vòng su thất trĩ	Dùng trong thất trĩ làm bằng chất liệu cao su y tế chất lượng cao.	Hộp	100cái/hộp	2
146	Bộ mở dạ dày ra da	Bộ ống nuôi ăn Các phụ kiện: van nối nuôi ăn, van tăng cường, dao phẫu thuật, kẹp, kim chọc, dây dẫn. - Sản phẩm có tiêu chuẩn sử dụng: sử dụng 1 lần/ 1 bệnh nhân,	bộ		10
147	Airway	Chất liệu nhựa tốt dẻo, độ cong thích hợp. Trơn láng không gây tổn thương, không gây kích ứng da. Tiết trùng bằng khí E.O.Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC.	Cái		100
148	Ba chạc nhựa có dây	Dây có Luer Lock tạo kết nối chắc chắn .Dây nối không có chất phụ gia DEHP. Khóa chịu áp lực lên đến 7 bar. Dài 25 cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC.	Cái	1 cái/túi	1.200
149	Băng keo lụa 2,5cm x 5m	Băng keo cuộn vải lụa, kích thước: 2,5cm x 5m, không kích ứng da	Cuộn		5.000
150	Chi Polyglacxan 4/0 (vicryl) kim tròn, kim dài 17mm hoặc tương đương	kim tròn, kim dài 17mm hoặc tương đương. tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	Sợi	Hộp 12 sợi	100
151	Chi Nylon 3/0 kim tam giác, kim tròn, kim dài 24mm hoặc tương đương	Chi không tan tổng hợp Nylon số 3/0. Kim tròn, kim dài 24mm hoặc tương đương. tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	Sợi	Hộp 12 sợi	1.600
152	Catheter tĩnh mạch cánh hầm các cỡ	Kích thước: 14,5F, dài 36cm-50cm, chất liệu carbothane, dễ uốn cong 180độ; tốc độ 450-500ml/phút	Cái		6
153	Dây truyền dịch có kim bướm	Dây truyền dịch 20 giọt có kèm kim bướm .Tiết trùng 100%. Chất liệu: nhựa dẻo PVC, hoặc AVA , dây trong suốt. Độ dài dây 170cm. Φ3mm, khử khuẩn bằng khí EO. Đầu chọc có lỗ thông hơi. Khóa và bánh xe đủ nhạy, dễ điều chỉnh tốc độ dịch chảy, Các đầu nối không bị hở, Có bầu nhỏ giọt. Có vị trí bổ sung thuốc. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2012, tiêu chuẩn châu âu CE hoặc tương đương	Sợi		32.000
154	Dây truyền dịch áp lực cao	Dây truyền dịch có kim đầu kim sắc nhọn, từ vật liệu inox không gỉ, không bị cặn trong, có nắp đậy bảo vệ, van thoát khí có màng lọc khí vô khuẩn, buồng nhỏ giọt và ống nhỏ giọt có thiết kế màng lọc dịch, trong để quan sát theo dõi đếm giọt, dây mềm dẻo không gây gập. Chiều dài dây 1500mm.	Sợi		3.000

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Quy cách	Số lượng
155	Kim luồn tĩnh mạch các cỡ	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cửa chích thuốc, các cỡ. Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE hoặc tương đương hoặc tương đương. G24 19mm 19ml/min	Cái		7.000
156	Mask thở oxy có túi dự trữ khí	PVC y tế, Mềm, Mask oxy, dây 1.8m, có nẹp mũi không sắc nhọn, vô trùng	Cái	1 cái/túi	30
157	Giấy in ảnh màu một mặt A4	Độ phân giải: 5760 dpi Cỡ giấy: A4 (210 x 297mm) Đặc tính in: 1 mặt, 2 mặt	ram	115gms, 210x297 mm, 5760dpi	24
158	Giấy in monitor cỡ 57mm x 20m	Giấy in monitor. Dạng cuộn. Kích thước 57mm x 20m. Đạt tiêu chuẩn TCVN	cuộn	Gói 1 cuộn	28
159	Que thử đường huyết (kèm 50 máy đo cầm tay)	Dùng cho máy đo đường huyết. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	hộp	50que	100
160	Giấy điện tim 01 căn 50mm x 30m	Giấy điện tim 01 căn. Dạng cuộn. Kích thước 50mm x 30m. Đạt tiêu chuẩn TCVN	cuộn		370
161	Giấy điện tim 01 căn 58mm x 25m	Giấy điện tim 01 căn. Dạng cuộn. Kích thước 58mm x 25m. Đạt tiêu chuẩn TCVN	cuộn		290
162	Giấy điện tim 03 căn 63mm x 30m	Giấy điện tim 03 căn. Dạng cuộn. Kích thước 63mm x 30m x 17mm. Đạt tiêu chuẩn TCVN	cuộn		80
163	Giấy điện tim 03 căn 80mm x 30m	Giấy điện tim 03 căn. Dạng cuộn. Kích thước 80mm x 30m x 17mm. Đạt tiêu chuẩn TCVN	cuộn		40
164	Băng cuộn Y tế	Chất liệu vải, kích thước: 7,7cm x 150cm	Cuộn		600
165	Spongel 7x5x1cm (vật liệu cầm máu sinh học) hoặc tương đương	Vật liệu cầm máu tự tiêu dạng xốp, kích thước 7cm x 5cm x 1cm, vô trùng	Miếng		140
166	Quả lọc máu liên tục có tráng Heparin và hấp phụ nội độc tố	Màng lọc có khả năng hấp phụ các chất trong quá trình nhiễm khuẩn như nội độc tố vi khuẩn, các chất phân vệ và các cytokines. Màng lọc được phủ trước lớp heparin giảm thiểu đông màng	bộ	4 bộ/thùng	10
167	Ống thở chữ T (T-Piece)	Chất liệu: nhựa dẻo y tế, vô trùng.	Cái		10
168	Cidezym (enzyme protease 5%)	Thành phần: hỗn hợp 5 enzyme với nồng độ sử dụng 0,05-0,5%. tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	chai	01 lít/chai	24

Tổng cộng: 168 mặt hàng

PHỤ LỤC 2

MẪU BÁO GIÁ

(Đính kèm Yêu cầu báo giá số /BVC-VTTB ngày tháng 9 năm 2023
của Bệnh viện C Đà Nẵng)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện C Đà Nẵng

Trên cơ sở Yêu cầu báo giá số /BVC-VTTB ngày ... tháng ... năm 2023 của Bệnh viện C Đà Nẵng, chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các Vật tư y tế và dịch vụ liên quan:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	ĐVT	Qui cách	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
1	..											
2	...											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [Ghi ngày ... tháng ... năm ... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục 1 – Yêu cầu báo giá]

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

... , ngày ... tháng ... năm ...

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu)